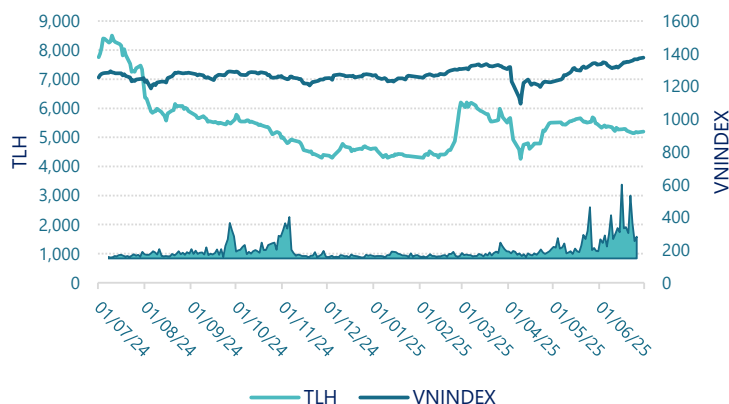


CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên (HSX: TLH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,260
SL cổ phiếu LH	112,320,017
KLGD BQ 20 phiên (CP)	236,375
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	584
P/E	-1.4
EPS	-3,820

DT thuần

Q2/25

1,880

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 588 | 45.5%

YoY: ▲ 246 | 15.1%

LN sau thuế

Q2/25

5.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.34 | 78.4%

YoY: ▲ 158 | 103%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.7%

+/- YoY: ▲ 9.4%

DT thuần

6T 2025

3,172

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 277 | 9.6%

LN sau thuế

6T 2025

8.29

tỷ VNĐ

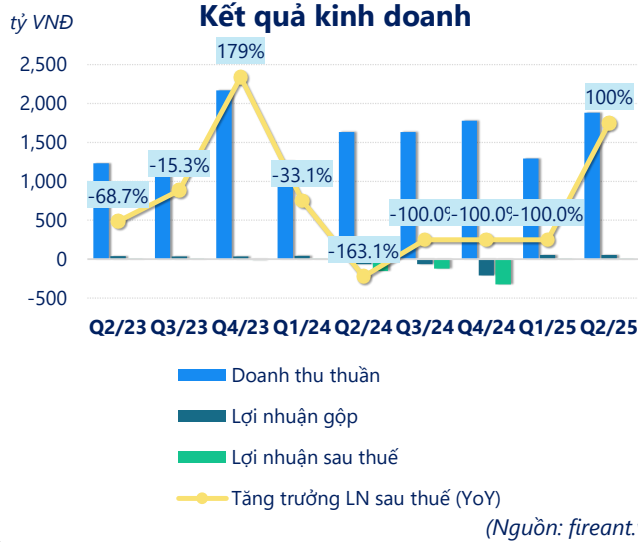
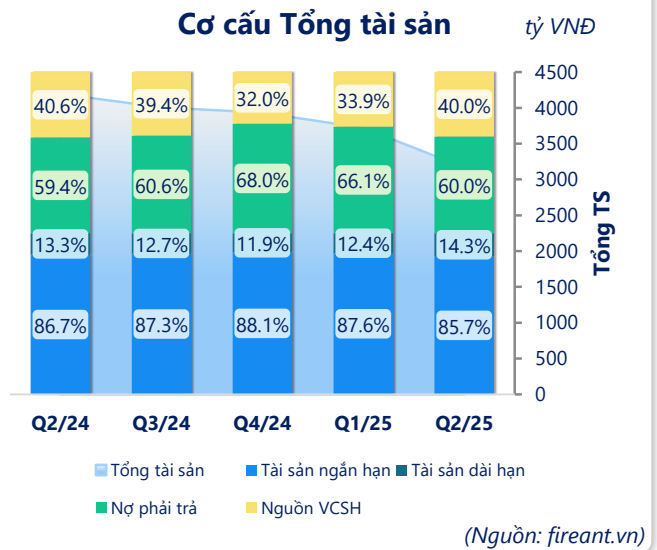
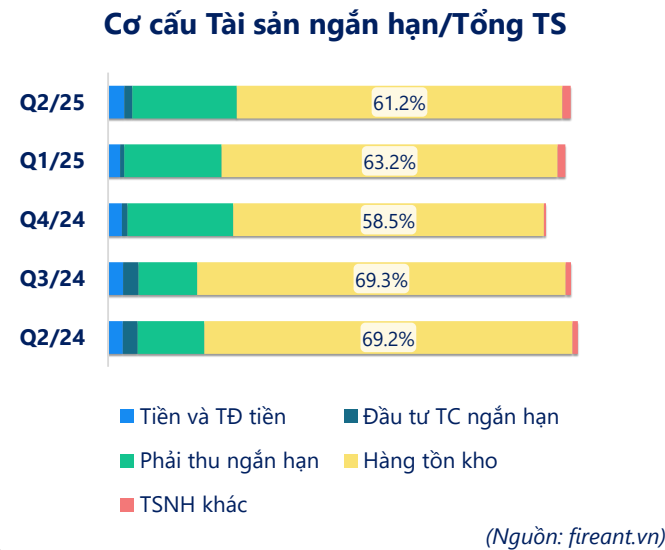
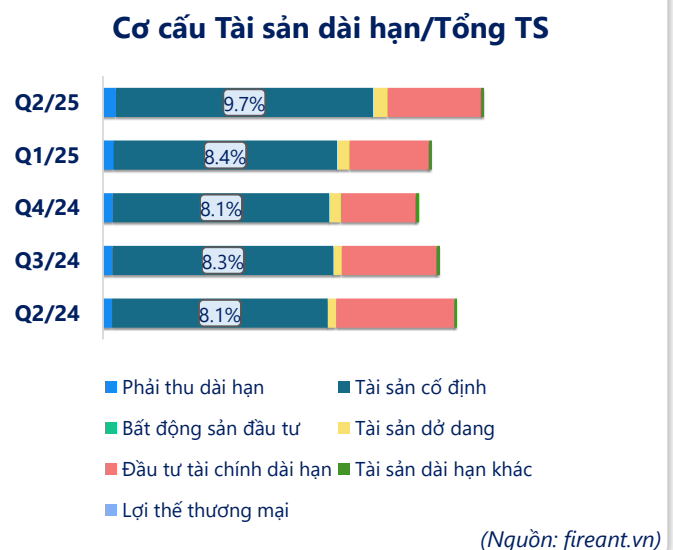
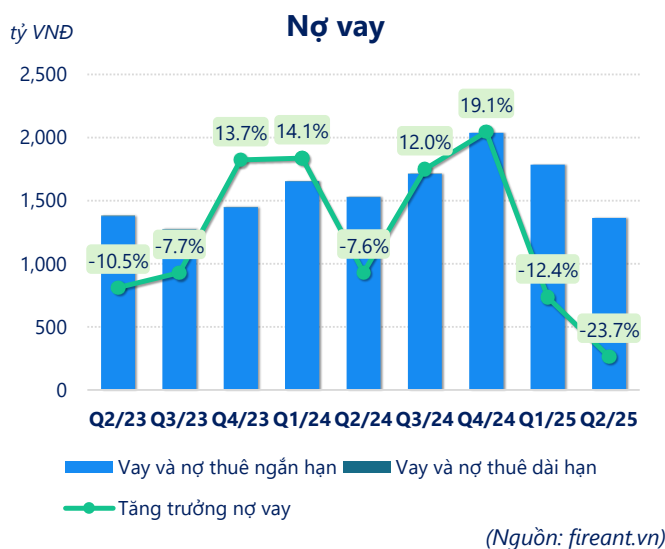
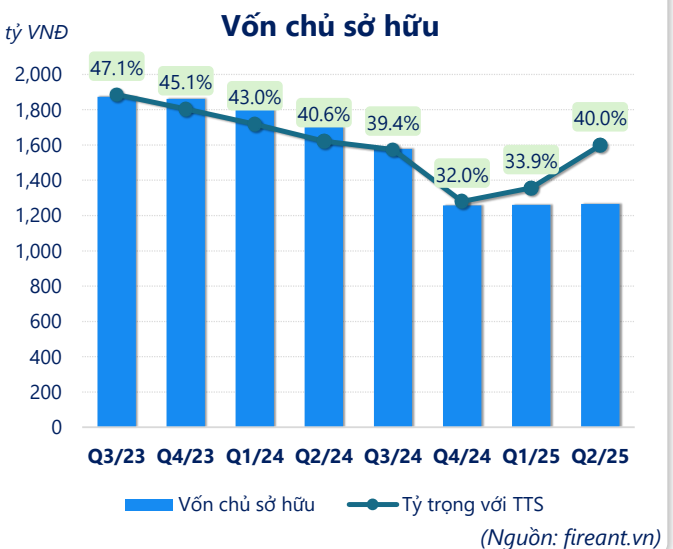
YoY: ▲ 160 | 105%

ROE

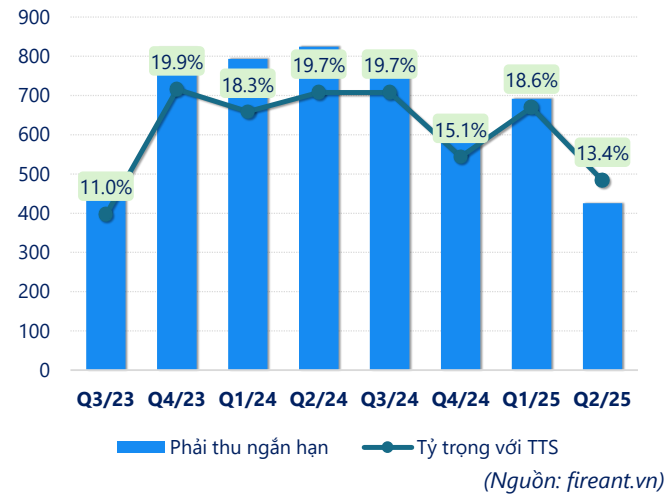
Q2/25

-28.9%

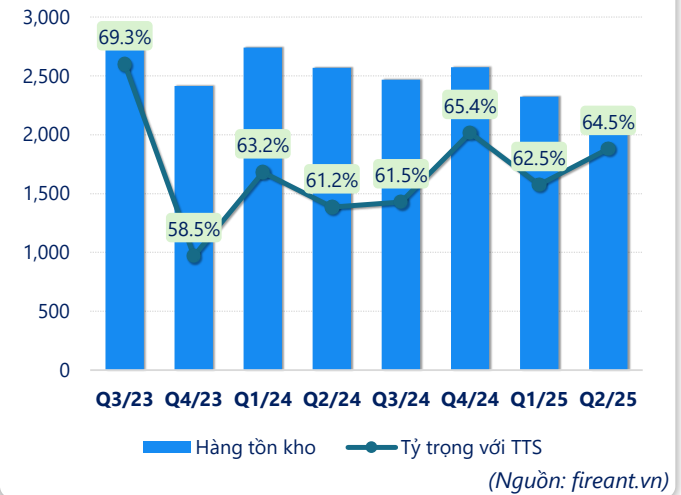
+/- YoY: ▼ 20.1%



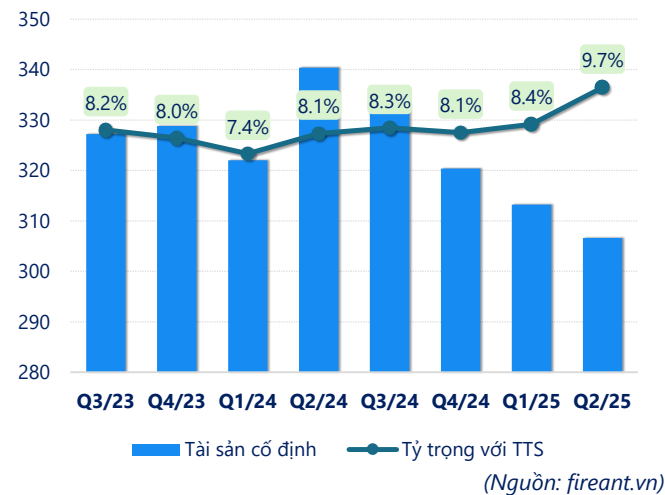
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


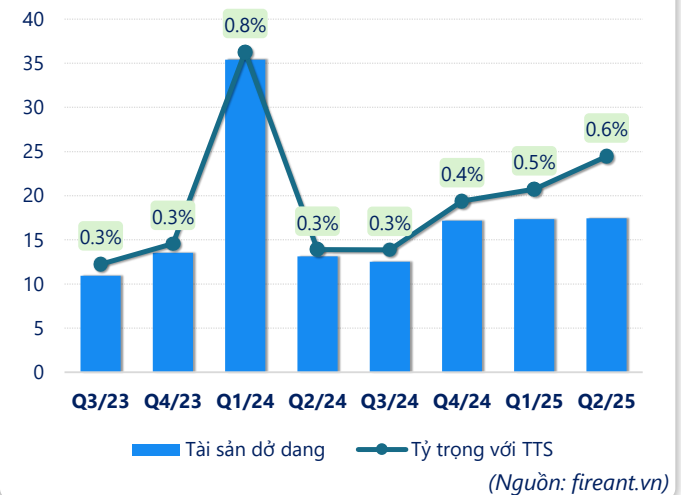
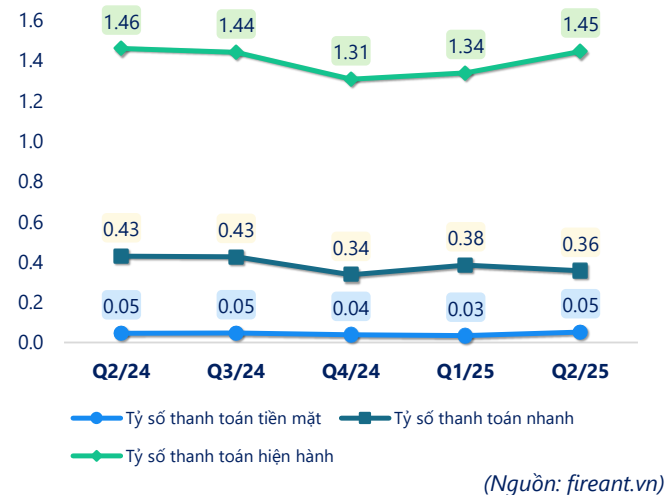
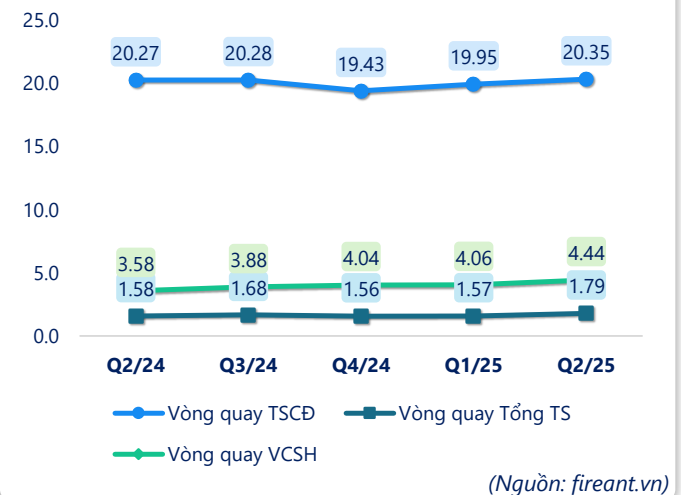
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	4,194	4,009	3,932	3,719	3,168
Tài sản ngắn hạn	3,635	3,501	3,464	3,258	2,714
Tiền và tương đương tiền	115	113	102	83.5	97.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.9	56.4	78.9	58.2	70.4
Phải thu ngắn hạn	824	788	594	691	425
Hàng tồn kho	2,568	2,466	2,573	2,324	2,045
Tài sản ngắn hạn khác	66.4	76.8	116	101	76.6
Tài sản dài hạn	558	508	468	460	454
Phải thu dài hạn	14.4	14.4	14.4	14.4	15.1
Tài sản cố định	340	333	320	313	307
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.1	12.5	17.2	17.3	17.4
Đầu tư tài chính dài hạn	186	143	110	111	111
Tài sản dài hạn khác	4.35	5.42	5.44	4.76	4.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,493	2,431	2,674	2,457	1,902
Nợ ngắn hạn	2,489	2,429	2,648	2,432	1,876
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,527	1,711	2,038	1,786	1,364
Phải trả người bán ngắn hạn	587	552	389	503	470
Nợ dài hạn	3.97	1.83	25.5	25.5	25.4
Vay và nợ thuê dài hạn	1.16	0.10	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,701	1,578	1,258	1,261	1,266
Vốn chủ sở hữu	1,701	1,578	1,258	1,261	1,266
Vốn điều lệ	1,123	1,123	1,123	1,123	1,123
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)